

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TC CAPITAL VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng thành viên**

Ông Tommy Tan	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Nam	Phó Chủ tịch
Ông Ravi Chidambaram	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Thái	Thành viên
Ông Đặng Quốc Hùng	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Đặng Quốc Hùng	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

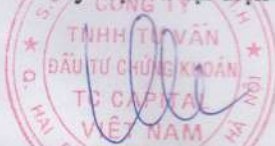
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thầy mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Đặng Quốc Hùng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2019



**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Hội đồng thành viên và Ban giám đốc  
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán Việt Nam ("gọi tắt là Công ty") được lập ngày 12/08/2019 và được trình bày từ trang 04 đến trang 13 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam tại ngày 30/06/2019 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.



**Nguyễn Thương**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy chứng nhận ĐKHNKT 0308-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2019



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

MẪU SỐ B01a - CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>14.970.391.936</b>	<b>15.274.993.965</b>
I. Tài sản tài chính	110		14.673.624.870	14.985.986.832
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		14.670.735.310	14.985.539.272
1.1. Tiền	111.1	5	14.670.735.310	14.985.539.272
2. Trả trước cho người bán	118		2.442.000	-
3. Các khoản phải thu khác	122		447.560	447.560
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		296.767.066	289.007.133
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		26.176.627	18.416.694
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		270.590.439	270.590.439
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>119.373.069</b>	<b>137.420.139</b>
I. Tài sản cố định	220		103.414.469	122.323.559
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	103.414.469	122.323.559
- Nguyên giá	222		189.090.909	189.090.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(85.676.440)	(66.767.350)
II. Tài sản dài hạn khác	250		15.958.600	15.096.580
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		11.250.000	11.250.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		4.708.600	3.846.580
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>15.089.765.005</b>	<b>15.412.414.104</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>35.464.250</b>	<b>42.642.100</b>
I. Nợ ngắn hạn	310		35.464.250	42.642.100
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	7	464.250	2.642.100
2. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		35.000.000	40.000.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>15.054.300.755</b>	<b>15.369.772.004</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	8	15.054.300.755	15.369.772.004
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.879.456.000	20.879.456.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		20.823.458.000	20.823.458.000
1.2. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		55.998.000	55.998.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(5.825.155.245)	(5.509.683.996)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(5.825.155.245)	(5.509.683.996)
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	-
<b>TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>15.089.765.005</b>	<b>15.412.414.104</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

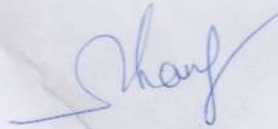
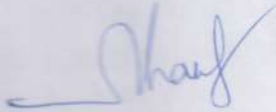
CHỈ TIÊU	30/06/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT		
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	449,74	462,94

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Phạm Tuyết Thanh

Phạm Tuyết Thanh

Đặng Quốc Hùng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

MẪU SỐ B02a - CTCK

Đơn vị tính: VND

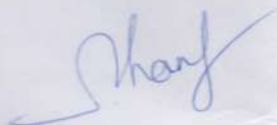
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Cộng doanh thu hoạt động	20		-	-
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Cộng chi phí hoạt động	40		-	-
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		34.695	145.119
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		313.073	20.176.041
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		347.768	20.321.160
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Cộng chi phí tài chính	60		-	-
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	9	315.819.017	384.274.665
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		(315.471.249)	(363.953.505)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Cộng kết quả hoạt động khác	80		-	-
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		(315.471.249)	(363.953.505)
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		(315.471.249)	(363.953.505)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	100		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		(315.471.249)	(363.953.505)

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Phạm Tuyết Thanh

Phạm Tuyết Thanh

Đặng Quốc Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**MẪU SỐ B03a - CTCK**

Đơn vị tính: VND

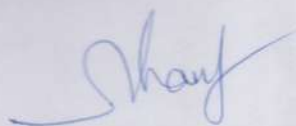
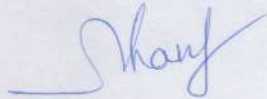
Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01	(315.471.249)	(363.953.505)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		
- Khấu hao TSCĐ	03	18.909.090	(163.783.401)
- Lãi / (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện.	05	(34.695)	(118.585)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(313.073)	(145.119)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(296.909.927)	(528.000.610)
- Tăng/giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK	37	-	2.950.838.247
- Tăng/giảm các khoản phải thu khác	39	(2.442.000)	4.950.172.005
- Tăng/giảm các tài sản khác	40	(7.759.933)	-
- Tăng/giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	(5.000.000)	-
- Tăng/giảm chi phí trả trước	42	(862.020)	-
- Tăng/giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	(2.177.850)	-
- Tăng/giảm phải trả, phải nộp khác	50	-	3.173.377
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	60	<b>(315.151.730)</b>	<b>7.376.183.019</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các	65	313.073	145.119
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	70	<b>313.073</b>	<b>145.119</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	80	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>			
90	(314.838.657)	7.376.328.138	
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>			
101	14.985.539.272	5.828.667.980	
Tiền	101.1	14.985.429.452	5.828.679.723
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	102	109.820	(11.743)
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>			
103	14.670.735.310	15.347.392.727	
Tiền	103.1	14.670.700.615	15.347.274.142
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104	34.695	118.585

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc


Phạm Tuyết Thanh

Phạm Tuyết Thanh

Đặng Quốc Hùng



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

MẪU SỐ B04a - CTCK  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
	Tại 01/01/2018	Tại 01/01/2019	Tăng	Giảm	Tại 30/06/2018	Tại 30/06/2019
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	10.879.456.000	20.879.456.000	-	-	10.879.456.000	20.879.456.000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	10.823.458.000	20.823.458.000	-	-	10.823.458.000	20.823.458.000
1.2. Vốn khác của chủ sở hữu	55.998.000	55.998.000	-	-	55.998.000	55.998.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	(4.767.795.616)	(5.509.683.996)	-	363.953.505	(5.131.749.121)	(5.825.155.245)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(4.767.795.616)	(5.509.683.996)	-	363.953.505	(5.131.749.121)	(5.825.155.245)
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.111.660.384</b>	<b>15.369.772.004</b>	<b>-</b>	<b>363.953.505</b>	<b>5.747.706.879</b>	<b>15.054.300.755</b>

Người lập

*Phạm Tuyết Thanh*

Phạm Tuyết Thanh

Kế toán trưởng

*Phạm Tuyết Thanh*

Phạm Tuyết Thanh

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Tổng Giám đốc



Đặng Quốc Hùng



*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

*Hình thức sở hữu vốn*

Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Chứng khoán TC Capital Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 91-UBCK-GP ngày 21/04/2008, Giấy phép số 314/UBCK-GP ngày 22/03/2010 và Giấy phép điều chỉnh số 66/GPDC – UBCK ngày 24/08/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.823.458.000 VND. Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Lô 6, tầng 1, Tòa nhà Hoàng Thành, 114 Mai Hắc Đế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

*Ngành nghề kinh doanh:* Tư vấn đầu tư chứng khoán.

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

*Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

*Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:* Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

*Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các qui định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

*Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



### Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định được ghi nhận theo mô hình giá gốc trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

### Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ* được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành. Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng.

*Doanh thu hoạt động tài chính* bao gồm: lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá...<sup>1</sup> Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền mặt	4.650.740.963	5.120.681.726
Tiền gửi ngân hàng	10.019.994.347	9.864.857.546
<b>Cộng</b>	<b><u>14.670.735.310</u></b>	<b><u>14.985.539.272</u></b>

**6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2019	189.090.909	189.090.909
Tại ngày 30/06/2019	<u>189.090.909</u>	<u>189.090.909</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2019	66.767.350	66.767.350
Khấu hao trong kỳ	18.909.090	18.909.090
Tại ngày 30/06/2019	<u>85.676.440</u>	<u>85.676.440</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2019	122.323.559	122.323.559
Tại ngày 30/06/2019	<b><u>103.414.469</u></b>	<b><u>103.414.469</u></b>

**7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(270.590.439)	-	-	(270.590.439)
Thuế thu nhập cá nhân	2.642.100	1.058.175	3.236.025	464.250
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>(267.948.339)</b>	<b>4.058.175</b>	<b>6.236.025</b>	<b>(270.126.189)</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.642.100			464.250
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	270.590.439			270.590.439

**8. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Bảng đối chiếu tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2018	10.823.458.000	55.998.000	(4.767.795.616)	6.111.660.384
Tăng vốn trong năm	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Lỗi trong năm	-	-	(741.888.380)	(741.888.380)
Tại ngày 31/12/2018	20.823.458.000	55.998.000	(5.509.683.996)	15.369.772.004
Lãi trong kỳ	-	-	(315.471.249)	(315.471.249)
Tại ngày 30/06/2019	20.823.458.000	55.998.000	(5.825.155.245)	15.054.300.755

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Đặng Quốc Hùng	4.164.691.600	20,00%	4.164.691.600	20,00%
Ông Nguyễn Hoàng Thái	7.244.826.400	34,79%	7.244.826.400	34,79%
Công ty TC Capital Advisory Limited	9.413.940.000	45,21%	9.413.940.000	45,21%
<b>Cộng</b>	<b>20.823.458.000</b>	<b>100%</b>	<b>20.823.458.000</b>	<b>100%</b>



**9. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân viên	221.512.830	201.423.330
Nguyên vật liệu, đồ dùng văn phòng	6.582.525	15.242.265
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.909.090	18.494.623
Thuế, phí và lệ phí	3.659.787	4.392.749
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.000.000	50.820.000
Chi phí khác	30.154.785	93.901.698
<b>Cộng</b>	<b><u>315.819.017</u></b>	<b><u>384.274.665</u></b>

**10. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với bên liên quan sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của Ban giám đốc	129.000.000	129.000.000

**11. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

**12. SỐ LIỆU SO SÁNH**

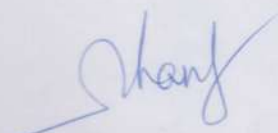
Số liệu so sánh trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Phạm Tuyết Thanh

Phạm Tuyết Thanh

Đặng Quốc Hùng